

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 3 năm 2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Liêu Tài Ngoánh

Ông Huỳnh Tài Em

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phúc Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Bé T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp 37, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo A, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp 37, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông T, bà Bảo A có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2024 và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Huỳnh Bé T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Bảo A quen biết trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và chung sống như vợ chồng từ năm 1998, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 19/10/2003. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên đã ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay, do đó không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Nay ông T nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với bà Bảo A.

Về con chung: Có 04 con chung tên Huỳnh Phong P, sinh ngày 05/02/1999, Huỳnh Kim Y, sinh ngày 24/6/2003, Huỳnh Kim T, sinh ngày 21/6/2008, Huỳnh Trọng Ph, sinh ngày 26/12/2018. Hiện tại cháu P và cháu Y đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu T và cháu Pc hiện đang song với ông T, sau khi ly hôn ông T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và cháu Pc, về cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 01/02/2024 bị đơn bà Nguyễn Thị Bảo A trình bày ý kiến như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Bé T quen biết trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và chung sống như vợ chồng từ năm 1998, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 19/10/2003. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nên đã ly thân với nhau từ năm 2020 đến nay. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà Bảo A, thì bà đồng ý ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 04 con chung tên Huỳnh Phong P, sinh ngày 05/02/1999, Huỳnh Kim Y, sinh ngày 24/6/2003, Huỳnh Kim T, sinh ngày 21/6/2008, Huỳnh Trọng Ph, sinh ngày 26/12/2018. Hiện cháu P và cháu Y đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với cháu T và cháu P hiện đang sống với ông T, sau khi ly hôn bà Bảo A đồng ý giao cháu T và cháu P cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Xét thấy, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Bé T, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Bảo A.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của ông T, giao 02 con chung tên Huỳnh Kim T, sinh ngày 21/6/2008, Huỳnh Trọng Ph, sinh ngày 26/12/2018 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận:

Về tố tụng:

Ông T yêu cầu ly hôn với bà Bảo A, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Bảo A cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông T, bà Bảo A có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Bảo A.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Bảo A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998, tại ấp 37, xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 19/10/2003, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông T và bà Bảo A cùng xác định cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên ông cương quyết yêu cầu ly hôn với bà Bảo A và bà Bảo A cũng đồng ý ly hôn với ông T. Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, tôn trọng lẫn nhau và cùng nhau chăm sóc gia đình, nhưng nay ông T cương quyết xin ly hôn với bà Bảo A mà bà Bảo A không có thiện chí hòa giải đồng thời cũng đồng ý ly hôn với ông T, chứng tỏ sự mâu thuẫn, rạn nứt trong quan hệ hôn nhân của ông bà không có khả năng hàn gắn lại được. Mặt khác, hôn nhân được duy trì bền vững lâu dài và hạnh phúc là trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên, ông T và bà Bảo A đều yêu cầu được ly hôn và xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau thì việc chung sống không được tự nguyện cũng sẽ dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T, cho ông T được ly hôn với bà Bảo A.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông T và bà Bảo A có 04 con chung tên Huỳnh Phong P, sinh ngày 05/02/1999, Huỳnh Kim Y, sinh ngày

24/6/2003, Huỳnh Kim T, sinh ngày 21/6/2008, Huỳnh Trọng Ph, sinh ngày 26/12/2018. Hiện cháu P và cháu Y đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết. Hiện tại cháu T và cháu Nguyễn đang ở chung với ông T, sau khi ly hôn ông T và bà Bảo A đều thống nhất giao cháu T và cháu Nguyễn cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng sẽ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại bản tự khai của cháu T, cháu T có nguyện vọng ở với cha, đây là sự tự nguyện của cháu T, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật. Cháu Ph chưa đủ 07 tuổi hiện đang sống với ông T, cả ông T và bà Bảo A đều thống nhất giao cháu T và cháu Ph cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, việc giao cháu T và cháu Ph cho ông T nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi và phù hợp với nguyện vọng của cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu T và cháu Ph cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu Huỳnh Kim T, sinh ngày 21/6/2008, Huỳnh Trọng Ph, sinh ngày 26/12/2018 cho ông T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị Bảo A có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Huỳnh Bé T phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ các phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 53; Điều 56; Điều 81 và Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Huỳnh Bé T đối với bà Nguyễn Thị Bảo A. Xử cho ông Huỳnh Bé T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bảo A.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Kim T, sinh ngày 21/6/2008 và cháu Huỳnh Trọng Ph, sinh ngày 26/12/2018 cho ông Huỳnh Bé T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Thị Bảo A có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Ông Huỳnh Bé T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005204 ngày 09/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Thị Thanh Tâm